

Số: /GPMT-UBND

Gò Dầu, ngày 30 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 01/2022/ST ngày 10 tháng 11 năm 2022
của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh-
CO.OPMART Gò Dầu về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án
Siêu thị CO.OPMART Gò Dầu, địa chỉ tại Quốc lộ 22B, Khu phố Rạch Sơn, Thị
trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
2227/TTr-PTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh-CO.OPMART Gò Dầu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Siêu thị CO.OPMART Gò Dầu”, địa chỉ tại Quốc lộ 22B, Khu phố Rạch Sơn, Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án: Siêu thị CO.OPMART Gò Dầu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 22B, Khu phố Rạch Sơn, Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã số 451000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 7 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-041.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động thương mại, mua bán hàng tiêu dùng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 3.963,1 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh-CO.OPMART Gò Dầu:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh-CO.OPMART Gò Dầu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày.... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng.....năm).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở TN và MT tỉnh Tây Ninh;
- Chi nhánh Liên hiệp HTX TM TP.HCM-CO.OPMART Gò Dầu;
- Lưu: VT, Phòng TN và MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải từ hoạt động của công nhân viên và khách hàng mua sắm tại siêu thị.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở được cho thải ra cống thoát nước chung của khu vực Thị trấn Gò Dầu và tự chảy ra sông Vàm Cỏ Đông.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Trong khuôn viên khu đất của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh-CO.OPMART Gò Dầu.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:

Hệ tọa độ VN 2000 KT 105°30' Múi 3⁰	
X (m)	Y (m)
1226 472	583 385

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 30 m³/ngày.đêm, tương đương 1,25 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả thải: nước thải sau xử lý được xả ngầm qua ống bê tông đường kính 600mm, chảy ra cống thoát nước chung khu vực theo phương tức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc
------------	---------------------	--------------------	----------------------------------	---------------------------

				định kỳ
1	pH	-	5-9	06 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	//
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	//
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500	//
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	//
6	Amonia (tính theo N)	mg/l	5	//
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	//
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	//
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	//
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	//
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	3.000	//

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên và khách hàng mua sắm tại siêu thị được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý chung với nước thải từ hoạt động nấu ăn, tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở là khoảng 30 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý sẽ được thải ra đường ống và thoát vào mương thoát nước chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, khách hàng mua sắm tại siêu thị → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở có công suất 30 m³/ngày.đêm.

Nước thải nấu ăn → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở có công suất 30 m³/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở có quy trình công nghệ như sau: Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể màng MBR → Bể đối chứng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
 ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 1: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 450 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Ống thải từ máy phát điện dự phòng có công suất 450 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, hoạt động khi có sự cố mất điện)

- Tọa độ vị trí xả khí thải:

Hệ tọa độ VN 2000 KT 105°30' Múi 3°	
X (m)	Y (m)
583388	1226470

2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 29.400 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả thải: Xả liên tục qua ống thải khi vận hành máy phát điện.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp = 0,9; Kv = 1,0 trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	20.000 <P≤100.000	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
3	NO _x	mg/Nm ³	765		
4	SO ₂	mg/l	450		

5	CO	mg/l	900		
---	----	------	-----	--	--

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ qua trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện công suất 450 KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống của máy phát điện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải;

Khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
 ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Nguồn số 1: tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 450 KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

Nguồn phát sinh tiếng ồn có tọa độ:

Hệ tọa độ VN 2000 KT 105°30' Múi 3⁰	
X (m)	Y (m)
583387	1226471

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	01 năm/lần	Khu vực thông thường

